## Thực hiện phép so sánh giữa xs:ID và xs:unique

(Nộp bảng so sánh này lên elearning)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT:** | **Họ và tên sinh viên:Nguyễn Trần Tuấn Khôi** | **Nhóm: 1 (KKD 28)** |
| **Tiêu chí** | **xs:ID** | **xs:unique** |
| **So sánh theo từng tiêu chí** | | |
| Loại | Kiểu dữ liệu dựng sẵn cho thuộc tính; mỗi giá trị phải là NCName và duy nhất toàn tài liệu. | Ràng buộc (constraint) trong XSD để đảm bảo giá trị duy nhất theo phạm vi phần tử cha. |
| Phạm vi | Duy nhất trên toàn bộ tài liệu XML. | Duy nhất cục bộ trong phạm vi một phần tử cha do xs:selector xác định. |
| Tính tham chiếu | Kết hợp với xs:IDREF/xs:IDREFS để tham chiếu qua lại. | Không tạo tham chiếu; chỉ kiểm tra duy nhất bằng xs:field. |
| Hạn chế cú pháp | Không tạo tham chiếu; chỉ kiểm tra duy nhất bằng xs:field. | Dựa trên XPath của xs:selector và xs:field; áp dụng cho phần tử hoặc thuộc tính. |
| Khi nào dùng | Khi cần định danh phần tử để tham chiếu (ví dụ: student/@id) trên toàn tài liệu. | Khi cần ràng buộc duy nhất trong phạm vi tùy chỉnh (ví dụ: product/@id duy nhất trong mỗi order). |
| **Đánh dấu X vào cột tương ứng** | | |
| Khóa chính toàn tài liệu | X |  |
| Khóa duy nhất theo phạm vi tùy chỉnh |  | X |
| Cục bộ trong phạm vi của phần tử cha |  | X |
| Toàn bộ tài liệu XML | X |  |
| Liên quan đến tính duy nhất | X | X |
| Kiểu dữ liệu dựng sẵn | X |  |
| Ràng buộc |  | X |